BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BGDĐT ngày tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Thực hiện Chương trình công tác năm 2020 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 98/VPCP-TH ngày 12 tháng 01 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) được Chính phủ giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các cơ quan có liên quan xây dựng Nghị định Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số (Nghị định). Sau khi Nghị định được ban hành sẽ có một số tác động chính sách như sau:

I. Bối cảnh xây dựng Nghị định

Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi chính sách cán bộ đối với người dân tộc thiểu số (DTTS) là một nội dung trọng yếu trong chính sách dân tộc. Chính sách không chỉ có ý nghĩa trong việc đảm bảo quyền tham chính, quyền bình đẳng của đồng bào các dân tộc mà còn tạo ra yếu tố nội lực thúc đẩy kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS, MN) phát triển.

Để tạo nguồn cán bộ người DTTS ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới và hải đảo, ngày 14/11/2006 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 134/2006/NĐ-CP quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; sau đó, Nghị định này được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015. Nghị định về công tác cử tuyển ra đời đã giải quyết được căn bản sự thiếu hụt về số lượng và chất lượng cán bộ, công chức, viên chức đối với các DTTS và vùng DTTS, MN.

Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, chính sách đào tạo cử tuyển đã và đang bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập giữa đào tạo với nhu cầu tuyển dụng, dẫn đến sinh viên cử tuyển đào tạo ra nhiều nhưng không bố trí được việc làm; bất cập trong quy hoạch và cơ cấu cán bộ theo dân tộc và ngành nghề đào tạo, dẫn đến sinh viên cử tuyển dôi dư lớn nhưng cán bộ của các dân tộc có nguồn nhân

lực thấp (gồm 16 dân tộc có dân số dưới 10.000 người và một số dân tộc: Kháng, Gia Rai, Ba Na, Mông, Thái, Khmer, Raglai, Xtiêng, Khơ Mú, Co, Giẻ Triêng) vẫn thiếu; nhiều ngành nghề rất cần thiết nhân lực tại chỗ để đảm bảo đời sống dân sinh và phát triển cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo lại không có cán bộ; chất lượng đào tạo sinh viên cử tuyển thấp chưa đáp ứng được yêu cầu của nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay.

Luật Giáo dục đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 7 năm 2019 (có hiệu lực thi hành vào tháng ngày 01/7/2020) đã có một số nội dung thay đổi về công tác cử tuyển, tại Điều 87 của Luật quy định: "Chính phủ quy định chi tiết tiêu chuẩn và đối tượng được hưởng chế độ cử tuyển; việc tổ chức thực hiện chế độ cử tuyển và việc tuyển dụng người học theo chế độ cử tuyển sau tốt nghiệp";

Ngày 18/11/2019 Quốc hội ban hành Nghị quyết số 88/2019/QH14 "Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030" và ngày 15/02/2020 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 12/NQ-GP về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội. Trong đó có nhiệm vụ "Đổi mới nội dung, phương thức cử tuyển"

Do đó, việc xây dựng Nghị định Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số là rất cần thiết nhằm hướng dẫn triển khai thực hiện Điều 87 Luật Giáo dục 2019 về chế độ cử tuyển (thay thế Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ Quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ). Mặt khác, việc xây dựng Nghị định còn là nhiệm vụ quan trọng nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 Quốc hội.

II. Đánh giá về những tác động chủ yếu

Báo cáo tập trung đánh giá một số vấn đề có sự thay đổi so với Nghị định 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ Quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ và ý kiến của một số Bộ ngành liên quan, cụ thể như sau:

1. Thu hẹp đối tượng cử tuyển.

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Tổng kết thực hiện Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ cho thấy:

- Những năm đầu của giai đoạn (2007-2009) thực hiện cử tuyển theo Nghị định số 134/2006/NĐ-CP, sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng cử tuyển có 852/2.132 bố trí được việc làm (chiếm khoảng 40%); sinh viên tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp đa số bố trí được việc làm (chiếm khoảng 95%).

- Từ năm 2010 đến năm 2015 số học sinh tốt nghiệp cử tuyển là 3.774 em, bố trí được việc làm 2.202 em (chiếm 58.35%).

- Tính đến thời điểm hiện nay, có 48 DTTS có học sinh, sinh viên cử tuyển, một số dân tộc có số học sinh cử tuyển khá đông như: dân tộc Thái chiếm 15,17%, Khmer chiếm 12,46%, Tày chiếm 9,59%, Mông chiếm 8,04%, Dao chiếm 5,58%. Tuy nhiên vẫn còn một số DTTS rất khó tuyển sinh như dân tộc Co, Mảng, Rơ Măm, Cơlao, Giẻ -Triêng, Cống, Pà Thẻn và dân tộc Lôlô; đặc biệt còn một số dân tộc chưa có học sinh cử tuyển là dân tộc Brâu, La Hủ, Lự, Ngái...

Như vậy, hiện nay, chính sách đào tạo cử tuyển đã và đang bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập giữa đào tạo với nhu cầu tuyển dụng, dẫn đến sinh viên cử tuyển đào tạo ra nhiều nhưng không bố trí được việc làm; bất cập trong quy hoạch và cơ cấu cán bộ theo dân tộc và ngành nghề đào tạo, dẫn đến sinh viên cử tuyển dôi dư lớn nhưng cán bộ của các dân tộc có nguồn nhân lực thấp (gồm 16 dân tộc có dân số dưới 10.000 người và một số dân tộc: Kháng, Gia Rai, Ba Na, Mông, Thái, Khmer, Raglai, Xtiêng, Khơ Mú, Co, Giẻ Triêng) vẫn thiếu; nhiều ngành nghề rất cần thiết nhân lực tại chỗ để đảm bảo đời sống dân sinh và phát triển cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo lại không có cán bộ; chất lượng đào tạo sinh viên cử tuyển thấp chưa đáp ứng được yêu cầu của nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

a) Tập trung đào tạo cử tuyển đối với các DTTS rất ít người;

b) Chỉ đào tạo cử tuyển đối với người DTTS (người dân tộc Kinh không được hưởng chế độ cử tuyển).

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định đối tượng cử tuyển gồm:

"1. Học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người.

2. Học sinh là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có hoặc có rất ít đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số".

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Tác động về kinh tế

Không phát sinh chi phí của Nhà nước đối với thực hiện chính sách cử tuyển.

b) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi về mục tiêu của đào tạo cử tuyển; tập trung đào tạo cán bộ tại chỗ đối với nhóm các DTTS rất ít người và các DTTS còn nhiều khó khăn ở vùng DTTS, MN vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo.

- Tác động tiêu cực: Không có.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Không làm phát sinh mới thủ tục hành chính.

d) Tác động tới hệ thống pháp luật

Ban hành Nghị định để hướng dẫn triển khai thực hiện Luật giáo dục 2019.

e) Tác động về giới và quyền con người

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

Chính phủ xem xét ban hành Nghị định.

2. Đổi mới tổ chức đào tạo dự bị và quy định cụ thể thời gian đào tạo

2.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Hiện nay, học sinh được chọn cử đi học cử tuyển đại học, cao đẳng (kể cả học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng) đều phải thực hiện việc đào tạo dự bị để nâng cao kiến thức phổ thông trước khi được chuyển vào học chính thức; điều

này là không cần thiết với các học sinh dự thi đại học, cao đẳng, trung cấp mà trúng tuyển theo quy chế tuyển sinh quy định hiện hành, vì:

- Mất đi cơ học phấn đấu học tập để nhanh tốt nghiệp ra trường phục vụ nhà nước;

- Ảnh hưởng đến tâm lý học tập khi phải học dự bị: học lại kiến thức các em đã được trang bị và đã có vốn kiến thức đó.

b) Hiện nay, sinh viên học đại học, cao đẳng được thực hiện chương trình đào tạo theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ, việc đào tạo này khiến nhiều sinh viên cử tuyển "ỉ lại, lạm dụng" để lưu ban nhiều năm mà vẫn được hưởng chính sách đào tạo của nhà nước.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

a) Học sinh trong diện cử tuyển trúng tuyển vào đại học, cao đẳng tại năm xét đi học cử tuyển không phải học dự bị mà được chuyển ngay vào đào tạo đại học, cao đẳng.

b) Quy định cụ thể thời gian sinh viên cử tuyển phải hoàn thành chương trình học đại học, cao đẳng, trung cấp.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Tại điểm a, b khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định quy định về đào tạo cử tuyển:

"1. Đào tạo dự bị đại học, cao đẳng đối với người học cử tuyển

- Đối tượng phải qua đào tạo dự bị

Người được cử tuyển để đào tạo trình độ đại học, cao đẳng là học sinh phổ thông phải học một năm dự bị tại trường dự bị đại học hoặc tại khoa dự bị đại học của các trường được phép đào tạo dự bị đại học;

- Đối tượng không qua đào tạo dự bị

Người trúng tuyển vào đại học, cao đẳng tại năm xét đi học cử tuyển không phải học dự bị mà được chuyển ngay vào đào tạo đại học, cao đẳng".

b) Tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị định quy định về thời gian đào tạo cử tuyển:

"2. Đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp đối với người học cử tuyển

- Người học theo chế độ cử tuyển được đào tạo trong hệ thống giáo dục chính quy và bố trí học chung với các người học khác của cơ sở giáo dục theo ngành đào tạo;

- Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo trình độ đại học: chương trình có thời gian học từ 3 đến dưới 5 năm học, thời gian tối đa hoàn thành được cộng thêm 2 năm học (4 học kỳ); chương trình có thời gian học từ 5 đến 6 năm học, thời gian tối đa hoàn thành được cộng thêm 3 năm học (6 học kỳ);

- Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng: chương trình có thời gian học dưới 3 năm học, thời gian tối đa hoàn thành được cộng thêm 1 năm học (2 học kỳ);

- Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo trình độ trung cấp: chương trình có thời gian học dưới 2 năm học, thời gian tối đa hoàn thành được cộng thêm 1/2 năm học (1 học kỳ);

- Trong thời gian được cộng thêm để hoàn thành chương trình, người học cử tuyển được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ như các năm học trước".

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Tác động về kinh tế

Không phát sinh thêm chi phí, tiết kiệm và thực hiện hiệu quả nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện chính sách cử tuyển.

b) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực:

+ Không làm thay đổi về mục tiêu của đào tạo cử tuyển;

+ Tạo động lực học tập tích cực cho sinh viên cử tuyển, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo cử tuyển;

- Tác động tiêu cực: Không có.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Không làm phát sinh mới thủ tục hành chính.

d) Tác động tới hệ thống pháp luật

Ban hành Nghị định để hướng dẫn triển khai thực hiện Luật giáo dục 2019.

e) Tác động về giới và quyền con người

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

Chính phủ xem xét ban hành Nghị định.

3. Thay đổi thời gian và cách thức bố trí việc làm cho người được cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, thời gian người học theo chế độ cử tuyển chờ phân công công tác tối đa là 12 tháng, kể từ ngày được công nhận tốt nghiệp. Quá thời hạn 12 tháng không nhận được thông báo xét tuyển thì người học theo chế độ cử tuyển có quyền tự đi tìm việc làm và không phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo. Đây là lý do tạo nên việc sinh viên cử tuyển tốt nghiệp ra nhiều mà không bố trí được việc làm và cơ quan cử người đi học theo chế độ cử tuyển không "chịu trách nhiệm trong việc cử người đi học và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp".

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

a) Sinh viên cử tuyển sau khi tốt nghiệp phải được xét tuyển và bố trí việc làm.

b) Cơ quan cử người đi học phải chịu trách nhiệm việc không bố trí được việc làm cho người học theo chế độ cử tuyển.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Tại khoản 6 Điều 13 dự thảo Nghị định quy định: "Thời gian người học theo chế độ cử tuyển chờ xét tuyển và bố trí việc làm theo quy định tại khoản 2 Điều này tối đa là 12 tháng, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ để xét tuyển".

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Tác động về kinh tế

Không phát sinh thêm chi phí, tiết kiệm và thực hiện hiệu quả nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện chính sách cử tuyển.

b) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực:

+ Không làm thay đổi về mục tiêu của đào tạo cử tuyển;

+ Tạo động lực học tập tích cực cho sinh viên cử tuyển, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo cử tuyển;

+ Cơ quan cử người đi học sẽ thực hiện tốt việc rà soát, quy hoạch nguồn đào tạo cán bộ; từ đó, cử người đi học đúng mục tiêu, đối tượng để đảm bảo bố trí việc làm cho người học cử tuyển sau tốt nghiệp.

- Tác động tiêu cực: Không có.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Không làm phát sinh mới thủ tục hành chính.

d) Tác động tới hệ thống pháp luật

Ban hành Nghị định để hướng dẫn triển khai thực hiện Luật giáo dục 2019.

e) Tác động về giới và quyền con người

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

Chính phủ xem xét ban hành Nghị định.

4. Bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Xuất phát từ thực tiễn việc đào tạo cử tuyển trong các năm qua không thu hồi được tiền bồi hoàn và chi phí đào tạo đối với người học cử tuyển vi phạm cam kết học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức trong quá trình đào tạo. Lý do: đa số người học thuộc diện này đều là gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, việc phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đã khiến nhiều học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số không trở lại địa phương về với gia đình để "tránh trả tiền bồi hoàn", điều này đã gây nhiều tâm lý hoang mang trong cộng đồng đồng bào các DTTS;

Luật Giáo dục 2019 không quy định việc bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người học theo chế độ cử tuyển.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Phải bảo đảm ổn định đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại chỗ là người dân tộc thiểu số (nhất là đội ngũ bác sỹ, giáo viên được đào tạo cử tuyển); thực hiện việc đào tạo và bố trí việc làm cho người học theo chế độ cử tuyển hiệu quả, thiết thực. Muốn vậy, cần có quy định để "ràng buộc" đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cử tuyển làm việc theo phân công. Vì vậy, cần thiết phải có quy định về bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người học theo chế độ cử tuyển sau tốt nghiệp và được bố trí việc làm

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Tại Điều 14 dự thảo Nghị định quy định:

"Người học theo chế độ cử tuyển thuộc một trong các trường hợp sau đây thì phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo:

1. Người không chấp hành việc xét tuyển và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp theo cam kết.

2. Người có thời gian làm việc sau tốt nghiệp theo vị trí việc làm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều động ít hơn hai lần thời gian được hưởng học bổng và chi phí đào tạo.

3. Người bị kỷ luật thôi việc trong thời gian đang chấp hành nghĩa vụ làm việc theo sự điều động".

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Tác động về kinh tế

Không phát sinh thêm chi phí, tiết kiệm và thực hiện hiệu quả nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện chính sách cử tuyển.

b) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực:

+ Không làm thay đổi về mục tiêu của đào tạo cử tuyển;

+ Tạo động lực học tập tích cực cho sinh viên cử tuyển, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo cử tuyển;

+ Đảm bảo tính nhân văn, phù hợp với đặc điểm tâm lý, xã hội của các dân tộc thiểu số (nhất là dân tọc thiểu số rất ít người).

- Tác động tiêu cực: Không có.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Không làm phát sinh mới thủ tục hành chính.

d) Tác động tới hệ thống pháp luật

Ban hành Nghị định để hướng dẫn triển khai thực hiện Luật giáo dục 2019.

e) Tác động về giới và quyền con người

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

Chính phủ xem xét ban hành Nghị định.

III. Kết luận về tính khả thi

Nghị định Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số để hướng dẫn triển khai thực hiện Luật giáo dục 2019 có tính khả thi cao. Các địa phương ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ Nghị định sẽ xây dựng kế hoạch cử tuyển cụ thể, chi tiết cho cả lộ trình dài hạn, trung hạn và từng năm để triển khai thực hiện chế độ cử tuyển hiệu quả.

Trân trọng báo cáo./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biểu mẫu 01A/ĐG-KSTT

BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Tên dự án, dự thảo: Nghị định Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO	
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý?	**a) Nội dung 1**: Chính sách ưu tiên trong đào tạo, tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức ở vùng dân tộc thiểu số, miền vúi (DTTS, MN) của Đảng và Nhà nước ta (chính sách cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số). - Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý: Để tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số (DTTS) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới và hải đảo, ngày 14/11/2006 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 134/2006/NĐ-CP quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; sau đó, Nghị định này được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015. Nghị định về công tác cử tuyển ra đời đã giải quyết được căn bản sự thiếu hụt về số lượng và chất lượng cán bộ, công chức, viên chức đối với các DTTS và vùng DTTS, MN. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, chính sách đào tạo cử tuyển đã và đang bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập giữa đào tạo với nhu cầu tuyển dụng, dẫn đến sinh viên cử tuyển đào tạo ra nhiều nhưng không bố trí được việc làm; bất cập trong quy hoạch và cơ cấu cán bộ theo dân tộc và ngành nghề đào tạo, dẫn đến sinh viên cử tuyển dôi dư lớn nhưng cán bộ của các dân tộc có nguồn nhân lực thấp (gồm 16 dân tộc có dân số dưới 10.000 người và một số dân tộc: Kháng, Gia Rai, Ba Na, Mông, Thái, Khmer, Raglai, Xtiêng, Khơ Mú, Co, Giẻ Triêng) vẫn thiếu; nhiều ngành nghề rất cần nhân lực tại chỗ để đảm bảo đời sống dân sinh và phát triển cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo lại không có cán bộ; chất lượng đào tạo sinh viên cử tuyển thấp chưa đáp ứng được yêu cầu của nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay. Trước thực trạng trên, Luật Giáo dục đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 7 năm 2019 (có hiệu lực thi hành vào tháng ngày 01/7/2020) đã có một số nội dung thay đổi về chế độ cử tuyển, tại khoản

	4 Điều 87 của Luật quy định: "Chính phủ quy định chi tiết tiêu chuẩn và đối tượng được hưởng chế độ cử tuyển; việc tổ chức thực hiện chế độ cử tuyển và việc tuyển dụng người học theo chế độ cử tuyển sau tốt nghiệp"; Mặt khác, việc xây dựng Nghị định "Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số" còn là nhiệm vụ quan trọng nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội "Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030" và Nghị quyết số 12/NQ-GP ngày 15/02/2020 của Chính phủ Triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội. Vì vậy, việc lựa chọn học sinh dân tộc thiểu số đủ điều kiện đi học theo chế độ cử tuyển là chính sách được các cơ quan quản lý nhà nước quan tâm.
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	**a) Nội dung 1:** Chính sách ưu tiên trong đào tạo, tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức ở vùng DTTS, MN của Đảng và Nhà nước ta (chính sách cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số). - Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Trong giai đoạn hiện nay, chính sách đào tạo cử tuyển đã và đang bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập giữa đào tạo với nhu cầu tuyển dụng, dẫn đến sinh viên cử tuyển đào tạo ra nhiều nhưng không bố trí được việc làm; bất cập trong quy hoạch và cơ cấu cán bộ theo dân tộc và ngành nghề đào tạo, dẫn đến sinh viên cử tuyển dôi dư lớn nhưng cán bộ của các dân tộc có nguồn nhân lực thấp (gồm 16 dân tộc có dân số dưới 10.000 người và một số dân tộc: Kháng, Gia Rai, Ba Na, Mông, Thái, Khmer, Raglai, Xtiêng, Khơ Mú, Co, Giẻ Triêng) vẫn thiếu; nhiều ngành nghề rất cần nhân lực tại chỗ để đảm bảo đời sống dân sinh và phát triển cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo lại không có cán bộ; chất lượng đào tạo sinh viên cử tuyển thấp chưa đáp ứng được yêu cầu của nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó, Bộ GDĐT xây dựng dự thảo Nghị định Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số trình Chính phủ phê duyệt - Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản quy định *(nếu nội dung này đã được quy định/ ban hành)*:

3. Những biện pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước; bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức nêu trên?	**a) Đối với Nội dung 1 tại Mục [I.1] hoặc [I.2]:** ***- Quy định TTHC:*** ☐ + Tên TTHC 1: Thủ tục đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển (i) TTHC được: Quy định mới ☒ Sửa đổi, bổ sung ☐ Thay thế TTHC khác ☐ (ii) Có thể quy định hình thức đơn giản hơn đối với TTHC này không? Có ☐ Không ☒ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: Quy định có TTHC đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển để kiểm soát được đối tượng được hưởng các chế độ chính sách của nhà nước.
4. Lý do lựa chọn biện pháp quy định TTHC	**a) Đối với Nội dung 1 tại Mục [I.3.a]:** - TTHC 1: Thủ tục đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển + Lý do *(nếu được sửa đổi, bổ sung, thay thế TTHC khác đề nghị nêu rõ ưu điểm so với TTHC hiện hành)*: .....Không ..... + Lý do không lựa chọn biện pháp khác: Trước đây, tại Thông tư liên tịch số 13/2008/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC-BNV-UBDT ngày 7/4/2008 hướng dẫn 2008 thực hiện Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân có quy định TTHC nhưng chưa hoàn chỉnh, đầy đủ các bộ phận cấu thành. Đồng thời, việc xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 sẽ không xây dựng Thông tư hướng dẫn mà được quy định cụ thể vào ngay trong Nghị định vì theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: cấm quy định TTHC trong Thông tư của Bộ trưởng trừ trường hợp được giao trong luật. Vì vậy, khi xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 sẽ cần thiết phải quy định luôn TTHC, nếu không quy định cụ thể sẽ rất khó khăn cho đối tượng thực hiện và cơ quan quản lý hành chính nhà nước. **b) Đối với Nội dung n tại Mục [I.3.b]** *(trình bày như trên, nếu có):* .....

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN HỌC THEO CHẾ ĐỘ CỬ TUYỂN

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: .....
b) Có chính xác và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính này không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: .....
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch và thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc tại cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo Kế hoạch tuyển sinh cử tuyển trên cơ sở giao chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc cơ quan có thẩm quyền. Các quy trình cụ thể rõ ràng để thực hiện TTHC này được quy định rõ ràng tại Điều 8 Dự thảo quy trình cử tuyển được quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện. Tiếp theo sau là các bước thực hiện và trách nhiệm của từng cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước thực hiện để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Bước 1: Thông báo kế hoạch cử tuyển của UBND cấp tỉnh Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ Bước 3: Thành lập hội đồng để xét tuyển chọn đối tượng đáp ứng yêu cầu, điều kiện quy định. Bước 4: Công khai danh sách người được cử đi học.

	Việc quy định từng bước thực hiện TTHC một cách rõ ràng hợp lý, đảm bảo tối đa cắt giảm chi phi tuân thủ thủ tục hành chính cho cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện.
c) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Từng bước một đã quy định rõ thời hạn ngày xử lý công việc và trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan hành chính nhà nước.
d) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Sau khi người học theo chế độ cử tuyển nộp hồ sơ đến Sở Giáo dục và Đào tạo thì các bước theo là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, nêu rõ: - Lý do quy định:..... - Căn cứ quy định: + Được quy định mới tại dự án, dự thảo ☐ + Đã được quy định tại văn bản khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: ..... - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: .....
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu điện ☒ Mạng ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu điện ☒ Mạng ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Tại Điều 8 dự thảo văn bản đã quy định được thực hiện theo 3 hình thức khác nhau. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Quy định cách thức thực hiện theo cả 3 hình thức để tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC này. Cá nhân có thể lựa chọn 1 trong 3 hình thức để thực hiện.

	quy định như thế tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các nhân, tổ chức thực hiện TTHC và điều đó dẫn tới việc cắt giảm tối đa chi phí thực hiện.
4. Hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển (mẫu số 02 quy định tại phụ lục kèm theo dự thảo Nghị định).	- Nêu rõ lý do quy định: Để đảm bảo việc xét được thống nhất, khách quan và giảm thời gian thực hiện cho người học theo chế độ cử tuyển và thuận lợi trong việc theo dõi, quản lý, thẩm định hồ sơ của cơ quan nhà nước. - Yêu cầu, quy cách: Có quy định mẫu đơn để thống nhất.
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Giấy xác nhận thường trú đủ 5 năm liên tục tính đến năm tuyển sinh do công an cấp xã cấp (mẫu số 03 quy định tại phụ lục kèm theo dự thảo Nghị định)	- Nêu rõ lý do quy định: Để đảm bảo tính chính xác tiêu chuẩn đối với người học theo chế độ cử tuyển, giảm thời gian thực hiện cho người học theo chế độ cử tuyển và thuận lợi trong việc theo dõi, quản lý, thẩm định hồ sơ của cơ quan nhà nước. - Yêu cầu, quy cách: Có quy định mẫu đơn để thống nhất.
c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy khai sinh; Sổ hộ khẩu; Bằng THCS hoặc THPT	- Nêu rõ lý do quy định: Trên cơ sở quy định chi tiết từng từng phần hồ sơ, cơ quan hành chính nhà nước mới có căn cứ xác định các tiêu chí cụ thể và lựa chọn chính xác các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên - Yêu cầu, quy cách: Không
d) Giấy báo điểm kỳ thi THPT, trúng tuyển đị học, cao đẳng, trung cấp, Giấy chứng nhận đoạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi; Giấy chứng nhận thương bình, liệt sỹ, người được hưởng như chính sách thương binh;	- Nêu rõ lý do quy định: Để kiểm tra trình độ của đối tượng thực hiện TTHC/ đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên của Nhà nước. - Yêu cầu, quy cách: Không
đ) Ảnh chân dung	- Nêu rõ lý do quy định: Để kiểm tra, so sánh, đối chiếu đối tượng thực hiện TTHC/ đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên của Nhà nước. - Yêu cầu, quy cách: Không

e) Sơ yếu lý lịch	- Nêu rõ lý do quy định: Để kiểm tra đối tượng thực hiện TTHC/ đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên của Nhà nước. - Yêu cầu, quy cách: Không
g) Phong bì có dán tem	- Nêu rõ lý do quy định: Để cơ quan nhà nước thông báo cho cá nhân/đối tượng khi được xét duyệt hồ sơ. - Yêu cầu, quy cách: Không
Các thành phần hồ sơ nêu trên có bao gồm đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC không?	Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: ....
Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ	Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên)*: .....

5. Thời hạn giải quyết	
	- Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:..... - Thời hạn: 30 ngày kể từ ngày đăng thông báo. *(Nêu rõ từng thời hạn nếu TTHC do nhiều cơ quan, nhiều cấp có thẩm quyền giải quyết)* .....
6. Cơ quan thực hiện	
	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Để các cơ quan giải quyết có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định. - Có được quy định áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Đảm bảo thực hiện theo quy định xét người học chế độ cử tuyển.

7. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện: - Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người và học sinh là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có hoặc có rất ít đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: ..... b) Phạm vi áp dụng: - Toàn quốc ☐ Vùng ☒ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☒ Biên giới, hải đảo ☒ c) Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 100 người	- Lý do quy định: + Về đối tượng: Hiện nay, cán bộ của các dân tộc có nguồn nhân lực thấp (gồm 16 dân tộc có dân số dưới 10.000 người và một số dân tộc: Kháng, Gia Rai, Ba Na, Mông, Thái, Khmer, Raglai, Xtiêng, Khơ Mú, Co, Giẻ Triêng) vẫn thiếu; nhiều ngành nghề rất cần nhân lực tại chỗ để đảm bảo đời sống dân sinh và phát triển cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo lại không có cán bộ; chất lượng đào tạo sinh viên cử tuyển thấp chưa đáp ứng được yêu cầu của nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay. + Về phạm vi: Học sinh, sinh viên trong diện được hưởng chế độ cử tuyển - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng, phạm vi để tăng số đối tượng thực hiện được hưởng lợi không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Theo quy định của Luật Giáo dục 2019.
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí không? - Phí: Không ☒ Có ☐ Nếu CÓ, nêu rõ lý do: .... - Lệ phí: Không ☒ Có ☐ Nếu CÓ, nêu rõ lý do:	- Mức phí, lệ phí: + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): ..... + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): ..... + Mức phí, lệ phí có phù hợp không: Có ☐ Không ☐ Lý do: ..... - Mức phí, lệ phí được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☐ + Văn bản khác ☐

	(i) Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: ..... (ii) Nếu chưa ban hành, nêu rõ lý do: .....
b) Ngoài phí, lệ phí cá nhân, tổ chức có các chi trả nào khác? Không ☒ Có ☐ Nếu CÓ, nội dung này được quy định tại: - Dự thảo ☐ - Văn bản khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:	- Nội dung chi trả: ..... Lý do chi trả: ..... - Mức chi trả: ..... Mức chi trả này có phù hợp không: Có ☐ Không ☐ Lý do: .....
c) Dự kiến chi phí tuân thủ TTHC: 718.500 đồng	Mức chi phí này có phù hợp không: Có ☒ Không ☐ Lý do: Đã đảm bảo cắt giảm tối đa chi chí thực hiện TTHC này.
9. Mẫu đơn, tờ khai	
TTHC có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ - Nếu CÓ, quy định về: Mẫu đơn ☒ Tờ khai ☐ - Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:.....
a) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, nêu rõ: - Lý do: ..... - Có quy định rõ cơ quan nhà nước hay người có thẩm quyền và nội dung xác nhận không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Người đăng ký học cử tuyển tự khai	Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: a) Đơn đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển - Nội dung thông tin 1: Họ và tên người đăng ký học Lý do quy định: Thông tin về người đăng ký học - Nội dung thông tin 2: Ngày, tháng, năm sinh Lý do quy định: Thông tin về người đăng ký học - Nội dung thông tin 3: Dân tộc Lý do quy định: Thông tin về người đăng ký học - Nội dung thông tin 4: Địa chỉ thường trú Lý do quy định: Thông tin về người đăng ký học - Nội dung thông tin 5: Ngành dự định xin học

	Lý do quy định: Nguyện vọng của người đăng ký học - Nội dung thông tin 6: Thuộc đối tượng ưu tiên Lý do quy định: Ưu tiên của người đăng ký học - Nội dung thông tin 7: Đã tốt nghiệp Lý do quy định: Thông tin về điều kiện của người đăng ký học - Nội dung thông tin 8: Xếp loại năm cuối cấp/ cuối khoá Lý do quy định: Thông tin về điều kiện của người đăng ký học - Nội dung thông tin 9: Điểm các môn thi THPT Lý do quy định: Thông tin về điều kiện của người đăng ký học - Nội dung thông tin 10: Điểm thi đại học, cao đẳng, trung cấp (nếu có) Lý do quy định: Thông tin về điều kiện của người đăng ký học - Nội dung thông tin 11: Đoạt giải các kỳ thi (nếu có) Lý do quy định: Thông tin về điều kiện của người đăng ký học.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 2: Giấy xác nhận thường trú Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☒ Không ☐ Nếu CÓ, nêu rõ: - Lý do: Xác nhận cá nhân, bố mẹ đẻ (hoặc bố hoặc mẹ), bố mẹ nuôi (hoặc bố nuôi hoặc mẹ nuôi) hoặc người nuôi dưỡng - Có quy định rõ cơ quan nhà nước hay người có thẩm quyền và nội dung xác nhận không? Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Cơ quan công an xã (phường, thị trấn) xác nhận để làm căn cứ xét đi học cử tuyển.	Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: b) Giấy xác nhận thường trú - Nội dung thông tin 1: Họ và tên người đề nghị xác nhận Lý do quy định: Thông tin về người đề nghị xác nhận - Nội dung thông tin 2: Ngày, tháng, năm sinh Lý do quy định: Thông tin về người đề nghị xác nhận - Nội dung thông tin 3: có hộ khẩu thường trú nêu trên từ ngày …tháng….năm ……đến ngày ….tháng …năm……. (là 5 năm liên tục). Lý do quy định: đề nghị xác nhận - Nội dung thông tin 4: xác nhận nhân thân có hộ khẩu thường trú và đang sống ở tại địa chỉ thường trú nêu trên từ ngày …tháng….năm ……đến ngày ….tháng …năm……. (là 5 năm liên tục). Lý do quy định: đề nghị xác nhận. - Nội dung thông tin 5: Lý do đề nghị xác nhận

	Lý do quy định: xác nhận để đăng ký đi học theo chế độ cử tuyển.
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Không ☐ Có ☒
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Có hộ khẩu thường trú từ 5 năm liên tục trở lên tính đến năm tuyển sinh tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; có cha mẹ đẻ hoặc cha mẹ nuôi (hoặc có một trong hai bên là cha đẻ hoặc mẹ đẻ, cha nuôi hoặc mẹ nuôi), người nuôi dưỡng sống tại vùng này;	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một TTHC khác ☐ + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước ☒ - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện: + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính) ☐ Nêu rõ:...Không tăng chi phí mà lại giảm chi phí rất nhiều..... Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế ☐ Nêu rõ:..... + Hạn chế một số đối tượng ☒ Nêu rõ: ...Chỉ một số đối tượng đáp ứng điều kiện mới được hưởng chính sách. + Khác ☐ Nêu rõ: ..... - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại: + Dự án, dự thảo ☒ + Văn bản QPPL khác ☐ Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:
b) Yêu cầu, điều kiện: *(trình bày như trên, nếu có)*	
11. Kết quả	
- Giấy phép ☐	- Có quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực: Có ☐ Không ☒

- Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☒ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ:	+ Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể:..... tháng/ năm. + Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: Sau khi phê duyệt danh sách thì cơ quan có thẩm quyền cấp kinh phí. - Phạm vi có giá trị hiệu lực: Toàn quốc ☐ Địa phương ☒ Lý do:..... - Có thể kéo dài thời hạn/ thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực: Có ☐ Không ☒ Lý do: Kết quả được thực hiện luôn nên không thể gia hạn - Có quy định điều kiện có hiệu lực của kết quả: Có ☐ Không ☒ Lý do: Vì văn bản là cơ sở để xét duyệt đủ điều kiện đi học cử tuyển nên không quy định điều kiện. - Mẫu kết quả TTHC có phù hợp về nội dung, hình thức: Có ☒ Không ☐ Lý do: Phù hợp với việc xử lý theo quy định của cơ quan hành chính nhà nước.
12. Quy định về từng bộ phận cấu thành của TTHC có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?	
a) Với văn bản của cơ quan cấp trên	- Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: ..... + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: .....
b) Với văn bản của cơ quan khác	Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: ..... + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: .....
c) Với Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết	Có ☐ Không ☒ - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận cấu thành: .....

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN HỌC THEO CHẾ ĐỘ CỬ TUYỂN

STT	CÁC HOẠT ĐỘNG		CHI PHÍ HÀNH CHÍNH			Chi phí tài chính gián tiếp (đồng)	Chi phí tài chính trực tiếp: phí, lệ phí thực hiện TTHC (đồng)	Số lượng đối tượng tuân thủ	Tần suất thực hiện	Chi phí để thực hiện mỗi hoạt động/thủ tục (đồng)	Tổng chi phí hàng năm các cá nhân, tổ chức để thực hiện hoạt động/thủ tục (đồng)	Ghi chú
			Chi phí nội bộ		Chi phí thuê ngoài (tư vấn, dịch thuật) (đồng)							
	HỒ SƠ, YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN PHẢI TUÂN THỦ	HOẠT ĐỘNG CHI TIẾT	Thời gian thực hiện hoạt động (giờ)	Chi phí tương ứng (1 giờ công)								
1	Đơn đăng ký xét tuyển	Viết đơn	2,0	45.000	0,00		0	100	1	90.000	9.000.000	
2	Chuẩn bị các giấy tờ, tài liệu	Giấy khai sinh	1,0	45.000	0,00		0	100	1	45.000	4.500.000	
3		Bằng tốt nghiệp THCS/THPT	0,5	45.000				100	1	22.500	2.250.000	
4		Học bạ	0,5	45.000				100	1	22.500	2.250.000	
5		Giấy báo trúng tuyển	0,5	45.000				100	1	22.500	2.250.000	
6		Giấy báo điểm kỳ thi	0,5	45.000	0,00		0	100	1	22.500	2.250.000	
7		Giấy chứng nhận đoạt giải	0,5	45.000				100	1	22.500	2.250.000	
8		Giấy chứng nhận con thương binh, liệt sĩ	0,5	45.000				100	1	22.500	2.250.000	
9	Giấy khám sức khỏe	Khám sức khỏe	4,0	45.000				100	1	180.000	18.000.000	
10	Ảnh chân dung	Chụp ảnh và in ảnh	2,0	45.000			20.000	100	1	110.000	11.000.000	
11	Sơ yếu lý lịch	Khai sơ yếu lý lịch	1,0	45.000				100	1	45.000	4.500.000	
12		Xin xác nhận	2,0	45.000				100	1	90.000	9.000.000	
13	Phong bì dán tem	Mua phong bì và dán tem	0,5	45.000			1.000	100	1	23.500	2.350.000	
14				45.000				100		0	0	
15				45.000						0	0	
16				45.000						0	0	
17				45.000						0	0	
25				45.000						0	0	
		TỔNG								718.500	71.850.000	